

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 8/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 8/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 8/2024 huyện Tam Nông **đạt 91,74/100 điểm (xuất sắc), xếp hạng 01/12 huyện, thành phố.**

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 8 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	18	100
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,8 (tăng 0,1)	99,21
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,2 (giảm 0,1)	88,6
04	Thanh toán trực tuyến	10	8,8 (giảm 0,1)	94,63
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	19,9 (tăng 0,2)	90,5

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **91,93/100** điểm, điểm thấp nhất là **77,21/100** điểm, trong đó có 07 xã, thị trấn xếp loại xuất sắc; 04 xã xếp loại tốt và 01 xã xếp loại tốt cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			<i>Công khai, minh bạch</i>	<i>Tiến độ giải quyết</i>	<i>Dịch vụ trực tuyến</i>	<i>Thanh toán trực tuyến</i>	<i>Mức độ hài lòng</i>	<i>Số hóa hồ sơ</i>
01	Xã An Long	91.93	18	19.9	7.5	9	18	19.5
02	Xã Phú Thọ	91.88	18	19.9	7.5	8.8	18	19.7
03	Xã Phú Thành A	91.82	18	20	7.5	8.7	18	19.6
04	Xã Phú Đức	91.17	18	20	6.8	8.7	18	19.7
05	Thị trấn Tràm Chim	91.09	18	19.8	6.8	8.8	18	19.7
06	Xã Tân Công Sính	90.32	18	20	7.5	8.6	18	18.2
07	Xã Phú Hiệp	90.23	18	19.9	6.8	8.7	18	18.9
08	Xã Phú Thành B	88.14	18	18.6	6.8	8.7	18	18.1
09	Xã An Hòa	84.39	11.2	19.9	7.5	8.7	18	19
10	Xã Hòa Bình	83.55	11.5	19.7	6.8	8.5	18	19.1
11	Xã Phú Cường	82.54	10	19.9	6.5	9.1	18	19.1
12	Xã Phú Ninh	77.21	7.8	19.9	5.6	8.6	18	17.5

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số công khai, minh bạch là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

1.3. Nguyên nhân: Không.

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.

- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết TTHC là 19,8 điểm (*tăng 0,1 điểm so với tháng trước*), đạt 99,21%.

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **31 hồ sơ và 27 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Một cửa huyện	59	39	<u>0</u>	12	<u>8</u>	86.44	Không
02	Xã Phú Hiệp	684	671	<u>0</u>	9	<u>4</u>	99.42	Không
03	Xã Tràm Chim	1.454	1.328	<u>11</u>	111	<u>4</u>	98.97	Không
04	Xã Hòa Bình	170	163	<u>0</u>	4	<u>3</u>	98.24	Không
05	Xã An Long	1.007	988	<u>0</u>	16	<u>3</u>	99.7	Không
06	Xã Phú Thọ	1.527	1.497	<u>9</u>	19	<u>2</u>	99.28	Không
07	Xã Phú Thành B	147	134	<u>9</u>	3	<u>1</u>	93.2	Không
08	Xã Phú Ninh	174	168	<u>0</u>	5	<u>1</u>	99.43	Không
09	Xã An Hòa	338	333	<u>0</u>	4	<u>1</u>	99.7	Không
10	Xã Tân Công Sính	193	187	<u>0</u>	6	<u>0</u>	100	Xong
11	Xã Phú Đức	551	542	<u>0</u>	9	<u>0</u>	100	Xong
12	Xã Phú Thành A	836	820	<u>2</u>	14	<u>0</u>	99.76	Không
13	Xã Phú Cường	268	263	<u>0</u>	5	<u>0</u>	100	Xong

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến là 7,2 điểm (*giảm 0,1 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 88,6%, cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Nộp trực tiếp	Nộp trực tuyến	Tỷ lệ Nộp trực tiếp (%)	Tỷ lệ Nộp trực tuyến (%)	Tiến độ hoàn thành (50%)
01	Thị trấn Tràm Chim	1.333	77	1.256	5.78	94.22	Xong

02	Xã Phú Hiệp	666	82	584	12.31	87.69	Xong
03	Xã Tân Công Sính	184	28	156	15.22	84.78	Xong
04	Xã Phú Ninh	165	49	116	29.7	70.3	Xong
05	Xã An Long	868	78	790	8.99	91.01	Xong
06	Xã Hòa Bình	158	29	129	18.35	81.65	Xong
07	Xã Phú Thọ	1.427	92	1.335	6.45	93.55	Xong
08	Xã An Hòa	336	49	287	14.58	85.42	Xong
09	Xã Phú Thành B	144	43	101	29.86	70.14	Xong
10	Xã Phú Đức	432	23	409	5.32	94.68	Xong
11	Xã Phú Thành A	810	123	687	15.19	84.81	Xong
12	Xã Phú Cường	266	51	215	19.17	80.83	Xong

3.3. Nguyên nhân: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%), do một số TTHC có cung cấp trực tuyến nhưng người dân không có nhu cầu thực hiện.

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số thanh toán trực tuyến là 8,8 điểm (giảm 0,1 điểm so với tháng trước), đạt 94,63%, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tiến độ HT (45%)
01	Thị trấn Tràm Chim	1.554	1.531	23	98.52	Xong
02	Xã Phú Đức	870	854	16	98.16	Xong
03	Xã Phú Thọ	1.696	1.664	32	98.11	Xong
04	Xã An Long	1.061	1.040	21	98.02	Xong
05	Xã Phú Cường	345	338	7	97.97	Xong
06	Xã Phú Ninh	288	280	8	97.22	Xong
07	Xã An Hòa	282	271	11	96.1	Xong
08	Xã Phú Hiệp	694	657	37	94.67	Xong
09	Xã Phú Thành B	141	133	8	94.33	Xong

10	Xã Tân Công Sính	214	199	15	92.99	Xong
11	Xã Hòa Bình	229	191	38	83.41	Xong
12	Xã Phú Thành A	856	686	170	80.14	Xong
13	Một cửa huyện	69	37	32	53.62	Xong

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số mức độ hài lòng là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số số hóa hồ sơ là 19,9 điểm (tăng 0,2 điểm so với tháng trước), đạt tỷ lệ 90,5%.

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
-----	------------	-----------------------	--------------------------------	------------------------------	---------------------------

01	Xã Phú Cường	252	227	90.08	Không
02	Xã Phú Đức	428	407	95.09	Không
03	Xã An Hoà	334	294	88.02	Không
04	Xã Hoà Bình	158	148	93.67	Không
05	Xã Phú Thọ	1.404	1.339	95.37	Không
06	Xã Phú Thành A	798	752	94.24	Không
07	Xã An Long	859	795	92.55	Không
08	Xã Phú Hiệp	662	583	88.07	Không
09	Xã Tân Công Sính	181	159	87.85	Không
10	Xã Phú Ninh	154	121	78.57	Không
11	Xã Phú Thành B	139	113	81.29	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	1.328	1.263	95.11	Không
13	Huyện Tam Nông	6.480	6.178	95.34	Không

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	252	213	84.52	Không
02	Xã Phú Đức	428	407	95.09	Không
03	Xã An Hoà	334	285	85.33	Không
04	Xã Hoà Bình	156	133	85.26	Không
05	Xã Phú Thọ	1.404	1.333	94.94	Không
06	Xã Phú Thành A	798	686	85.96	Không
07	Xã An Long	859	790	91.97	Không
08	Xã Phú Hiệp	662	583	88.07	Không
09	Xã Tân Công Sính	181	156	86.19	Không
10	Xã Phú Ninh	154	116	75.32	Không
11	Xã Phú Thành B	136	102	75	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	1.328	1.255	94.5	Không
13	Huyện Tam Nông	6.517	6.075	93.22	Không

- Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (50%)
01	Xã Phú Cường	249	229	91.97	20	8.03	Xong
02	Xã Phú Đức	425	422	99.29	3	0.71	Xong
03	Xã An Hoà	329	259	78.72	70	21.28	Xong
04	Xã Hoà Bình	162	133	82.1	29	17.9	Xong
05	Xã Phú Thọ	1.397	1.154	82.61	243	17.39	Xong
06	Xã Phú Thành A	793	651	82.09	142	17.91	Xong
07	Xã An Long	842	698	82.9	144	17.1	Xong
08	Xã Phú Hiệp	661	489	73.98	172	26.02	Xong
09	Xã Tân Công Sính	177	75	42.37	102	57.63	Không
10	Xã Phú Ninh	165	106	64.24	59	35.76	Xong
11	Xã Phú Thành B	138	121	87.68	17	12.32	Xong
12	Thị trấn Tràm Chim	1.328	1.137	85.62	191	14.38	Xong
13	Huyện Tam Nông	6.488	5.359	82.6	1.129	17.4	Xong

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
3. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.
4. Vẫn còn địa phương thực hiện khai thác lại thông tin, dữ liệu đã số hóa chưa đạt yêu cầu.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan

chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 8/2024./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC_{Hiệu}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Công Thanh